

Bản án số: 15/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 01 - 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt – có đơn)

ĐKTT: Số 93 đường số 4, khu phố 9, phường B H H A, quận B T, Thành phố M.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 100/VĐĐ ấp Vĩnh Đức Đông, xã V H, huyện B T, tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Bích Đ cưới nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 29/3/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, ông và bà Đ đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà Đ, không muốn

tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà Đ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Đ có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hạnh Nguyên, sinh ngày 14/12/2010 hiện tại con chung đang sống với bà Đ, khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà Đ nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Đ mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Nguyên tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Bích Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Đối với cháu Nguyễn Thị Hạnh Nguyên, sinh ngày 14/12/2010 chưa thành niên phải có biên bản lấy ý kiến. Tuy nhiên, cháu Nguyên đang sống với chị Đ, chị Đ không đưa cháu Nguyên đến Tòa án để lấy ý kiến; và khi Tòa án đến nhà chị Đ để lấy ý kiến chị cũng không đồng ý được thể hiện qua biên bản ghi nhận sự việc ngày 01/11/2022. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết theo quy định. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Phạm Thị Bích Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hạnh Nguyên cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Nguyên tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Bích Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Đ vắng mặt không lý do. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà Đ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: ông Đ và bà Đ cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 29/3/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của ông Đ và bà Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay mâu thuẫn của vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn được nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà Đ. Bà Đ biết việc ông Đ yêu cầu ly hôn với bà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với ông Đ. Điều đó thể hiện bà Đ đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Đ là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không Đ được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đ với bà Đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà Đ có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Hạnh Nguyên, sinh ngày 14/12/2010; hiện tại cháu Nguyễn đang sống với bà Đ; tuy nhiên do bà Đ không đồng ý làm việc với Tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật được thể hiện qua biên bản ghi nhận sự việc ngày 01/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Xét yêu cầu giao cháu Nguyễn cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung của ông Đ là có cơ sở, hiện tại cháu Nguyễn vẫn đang sống chung với bà Đ; sau khi ông Đ và bà Đ ly thân từ năm 2010 đến nay cháu Nguyễn vẫn sống với bà Đ để đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: ông Đ trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn Đ phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ. Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Phạm Thị Bích Đ.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Bích Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hạnh Nguyên, sinh ngày 14/12/2010. Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên cho bà Đ mỗi tháng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyên tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 27/01/2023.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Nợ chung: ông Đ khai không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn Đ phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008930 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị Bích Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu